

**CÔNG TY TNHH MTV
XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU**

**Báo cáo tài chính đã kiểm toán
Năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019**



MỤC LỤC

Trang

01. Báo cáo của Chủ tịch Công ty	1 - 2
02. Báo cáo kiểm toán độc lập	3 - 4
03. Bảng cân đối kế toán	5 - 8
04. Báo cáo kết quả kinh doanh	9
05. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	10 - 11
06. Thuyết minh báo cáo tài chính	12 - 23

22-
TY
NH
NH
IEN
CL
IEU

45
HI
NG
IEN
AC
NG

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến Thiết Bạc Liêu là doanh nghiệp 100% vốn sở hữu của Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 5179/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu và hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 1900135322 đăng ký lần đầu ngày 25/01/2010 và đăng ký lần thứ 4 ngày 08/08/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

1. Chủ tịch Công ty

Chủ tịch Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ tên

- Bà Nguyễn Ngọc Thuý

Chức vụ

Chủ tịch Công ty

2. Kiểm soát viên

Kiểm soát viên Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Họ tên

- Ông Phan Chí Quang

Chức vụ

Kiểm soát viên

3. Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty đương nhiệm trong năm tài chính và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Họ tên

- Ông Nguyễn Văn Truyền

- Ông Nguyễn Minh Hải Dương

Chức vụ

Giám đốc

Phó Giám đốc

4. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh trong năm của Công ty bao gồm:

- Xổ số kiến thiết;
- Góp vốn, mua cổ phần;
- Thương mại, dịch vụ.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Đánh giá tình hình kinh doanh

Tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc vào cùng ngày nêu trên được trình bày trong báo cáo tài chính từ trang 5 đến trang 23.

7. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có.

8. Kiểm toán

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019 của Công ty.

BÁO CÁO CỦA CHỦ TỊCH CÔNG TY

9. Công bố trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với báo cáo tài chính

Ban Giám đốc công ty chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong từng năm tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn phù hợp và áp dụng nhất quán các chính sách kế toán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính kế toán một cách hợp lý và thận trọng;
- Trình bày các nguyên tắc kế toán đang được áp dụng, tùy thuộc vào sự khác biệt trọng yếu cần được công bố và giải trình trong báo cáo tài chính.
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ nhằm ngăn chặn và phát hiện các gian lận và sai sót.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty, vì vậy Công ty đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

10. Phê duyệt báo cáo tài chính

Chủ tịch công ty phê duyệt báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính này đã được lập và phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2019, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ cùng với bản thuyết minh đính kèm cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Nguyễn Ngọc Thuý

Chủ tịch Công ty

Ngày 09 tháng 03 năm 2020



Số: *18* /2020/SVCT-BCKT

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Chủ tịch Công ty, Ban Giám đốc**
Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến Thiết Bạc Liêu

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến Thiết Bạc Liêu ("Công ty"), được lập ngày 27 tháng 02 năm 2020, từ trang 5 đến trang 23, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán chuyên môn của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hay nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về tính hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính của Ban Giám đốc, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

- Do Công ty chưa được xếp loại doanh nghiệp năm 2019 nên Công ty tạm phân phối quỹ khen thưởng và phúc lợi. Công ty sẽ điều chỉnh lại việc phân phối lợi nhuận năm 2019 ngay sau khi được kết quả xếp loại doanh nghiệp.

- Chúng tôi không thu thập được thư xác nhận số dư tiền gửi có kỳ hạn vào ngày 31/12/2019 tại Ngân hàng TMCP Quốc Dân, Chi nhánh Bạc Liêu số tiền 91.351.871.167 đồng, đáo hạn tháng 12/2014 và tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Việt Á, Chi nhánh Bạc Liêu số tiền 24.500.365.776 đồng, do có liên quan đến vụ án chiếm dụng vốn của ngân hàng và đang chờ cơ quan pháp luật điều tra và xét xử. Cuối năm 2019, Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất các khoản đầu tư nêu trên với số tiền 110.848.052.922 đồng.

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ những ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn: "Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ", Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty TNHH MTV Xổ số Kiến Thiết Bạc Liêu tại ngày 31/12/2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



NAME

Giám đốc

Chi nhánh Công ty TNHH Kiểm toán Sao Việt

Cần Thơ, ngày 09 tháng 08 năm 2020

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0325-2018-107-1

CÔNG TY TNHH MTV XÓ SÓ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2019

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.367.735.969.381	1.228.639.317.101
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	549.537.059.171	328.881.796.684
1. Tiền	111		549.537.059.171	328.881.796.684
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	646.766.757.891	719.574.510.846
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		646.766.757.891	719.574.510.846
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.3	166.984.631.877	177.157.419.452
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		143.661.205.313	151.617.813.269
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		1.270.445.765	1.270.445.765
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch HĐ xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136		133.231.509.422	135.353.267.413
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(111.178.528.623)	(111.084.106.995)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.4	4.403.900.801	3.025.590.119
1. Hàng tồn kho	141		4.403.900.801	3.025.590.119
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150	V.5	43.619.641	-
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		43.619.641	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		23.149.841.242	25.228.505.128
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		19.869.904.550	21.930.384.975
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.6	18.246.304.550	20.267.996.225
<i>Nguyên giá</i>	222		47.262.348.051	46.751.596.961
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(29.016.043.501)	(26.483.600.736)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.7	1.623.600.000	1.662.388.750
<i>Nguyên giá</i>	228		1.896.600.000	1.896.600.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(273.000.000)	(234.211.250)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
Chi phí SX, KD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.8	3.202.980.000	3.202.980.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		3.202.980.000	3.202.980.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	V.9	76.956.692	95.140.153
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		76.956.692	95.140.153
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.390.885.810.623	1.253.867.822.229

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỞ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ	300		908.105.810.623	771.087.822.229
I. Nợ ngắn hạn	310		667.506.485.539	513.660.074.440
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.10	11.109.275.002	3.327.808.861
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.11	541.730.911.538	414.025.142.757
4. Phải trả người lao động	314		2.567.655.859	1.129.381.441
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		-	-
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch HD xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.12	500.000.000	1.929.798
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.13	109.708.325.000	93.488.495.000
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		1.890.318.140	1.687.316.583
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		240.599.325.084	257.427.747.789
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.14	240.599.325.084	257.427.747.789
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		482.780.000.000	482.780.000.000
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.15	482.780.000.000	482.780.000.000
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		482.780.000.000	482.780.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		482.780.000.000	482.780.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		-	-
- LNST chưa phân phối cuối kỳ trước	421a		-	-
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		-	-
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.390.885.810.623	1.253.867.822.229


Phan Thị Yến Nhi
 Người lập biểu


Phan Võ Anh Thư
 Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Thuý
 Chủ tịch Công ty
 Lập ngày 27 tháng 02 năm 2020



CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	3.531.278.395.464	3.044.576.522.293
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về BH và cung cấp dịch vụ	10		3.531.278.395.464	3.044.576.522.293
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	2.939.154.707.184	2.537.278.605.264
5. Lợi nhuận gộp về BH và cung cấp dịch vụ	20		592.123.688.280	507.297.917.029
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	43.713.278.294	35.203.136.342
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.4	93.893.325.315	103.672.344.790
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		541.943.641.259	438.828.708.581
11. Thu nhập khác	31	VI.5	177.546.681	346.905.458
12. Chi phí khác	32	VI.6	138.600.391	134.580.363
13. Lợi nhuận khác	40		38.946.290	212.325.095
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		541.982.587.549	439.041.033.676
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	VI.7	108.434.531.250	87.682.571.735
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		433.548.056.299	351.358.461.941

Phan Thị Yến Nhi
Người lập biểuPhan Võ Anh Thư
Kế toán trưởng

Nguyễn Ngọc Thuý

Chủ tịch Công ty

Lập ngày 27 tháng 02 năm 2020

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2019

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		3.813.709.905.037	3.301.702.180.187
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(2.283.145.516.334)	(1.988.934.918.050)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(18.113.761.911)	(17.352.856.603)
4. Tiền lãi vay đã trả	04		-	-
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	05		(107.226.859.708)	(378.779.599.101)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		130.667.063.943	121.415.081.416
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(1.426.936.607.988)	(944.452.086.198)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		108.954.223.039	93.597.801.651
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(538.251.090)	(763.931.818)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		9.545.455	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(893.173.931.747)	(831.963.178.042)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		963.586.684.702	737.024.068.384
5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		41.816.992.128	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		111.701.039.448	(95.703.041.476)

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2019

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2019	Năm 2018
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		-	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		220.655.262.487	(2.105.239.825)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	328.881.796.684	330.987.036.509
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	549.537.059.171	328.881.796.684


Phan Thị Yến Nhi
 Người lập biểu


Phan Võ Anh Thư
 Kế toán trưởng


Nguyễn Ngọc Thuý
 Chủ tịch Công ty
 Lập ngày 27 tháng 02 năm 2020



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị trình bày: VND

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty TNHH MTV Xổ sổ Kiến Thiết Bạc Liêu là doanh nghiệp 100% vốn sở hữu của Nhà nước được thành lập theo Quyết định số 5179/QĐ-UBND ngày 31/12/2009 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu và hoạt động theo Giấy chứng nhận doanh nghiệp số 1900135322 đăng ký lần đầu ngày 25/01/2010 và đăng ký lần thứ 4 ngày 08/08/2018 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bạc Liêu cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 482.780.000.000.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu trên Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2019 là: 482.780.000.000.

2. Lĩnh vực kinh doanh:

Kinh doanh xổ số.

3. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh trong năm của Công ty bao gồm:

- Xổ số kiến thiết;
- Góp vốn, mua cổ phần;
- Thương mại, dịch vụ.

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm hoạt động xổ số kiến thiết.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: không có.

6. Cấu trúc doanh nghiệp:

Thông tin về các công ty con và Công ty liên kết: không có.

Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc: không có.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm được bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 168/2009/TT-BTC ngày 19/08/2009 và Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài Chính.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị trình bày: VND

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đảm bảo tuân thủ đầy đủ các quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp do Bộ Tài Chính ban hành trong việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến luồng tiền).

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong kỳ bằng ngoại tệ được chuyển đổi thành VND theo tỷ giá giao dịch thực tế của nghiệp vụ kinh tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế. Chênh lệch tỷ giá phát sinh do việc chuyển đổi nêu trên được kết chuyển vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm tài chính hiện hành.

Cuối niên độ kế toán, số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân trên thị trường tiền tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố. Các khoản chênh lệch tỷ giá do việc đánh giá lại nêu trên được xử lý theo quy định tại Thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ trưởng Bộ Tài chính. Tuy nhiên, cuối năm tài chính 2019, Công ty không có số dư của các khoản tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, nợ phải thu và phải trả có gốc ngoại tệ.

3. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản cho vay được ghi sổ kế toán theo giá gốc.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác:

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác được ghi nhận trong Báo cáo tài chính của Công ty theo phương pháp giá gốc. Giá gốc của các khoản đầu tư này bao gồm phần vốn góp hoặc giá thực tế mua khoản đầu tư cộng (+) các chi phí mua như chi phí môi giới, giao dịch, thuế, phí, lệ phí... Cổ tức, lợi nhuận trước khi đầu tư nhận được sẽ ghi giảm giá trị khoản đầu tư đó. Cổ tức, lợi nhuận sau khi đầu tư nhận được sẽ ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Nguyên tắc xác định công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác: dựa theo tỷ lệ quyền biểu quyết.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết, đơn vị khác được lập khi các khoản đầu tư bị giảm giá hoặc doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị trình bày: VND

4. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu ngắn hạn. Các khoản phải thu có thời hạn thu hồi trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải thu dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ phải thu.

5. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí sản xuất và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho: Bình quân gia quyền

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Cuối kỳ kế toán năm, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Cuối niên độ kế toán, Công ty không có hàng tồn kho nào hư hỏng, lỗi thời, giá bán bị giảm cần lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định được trình bày trên báo cáo tài chính theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua hoặc giá thành thực tế và các khoản chi phí liên quan trực tiếp phải chi ra tính đến thời điểm đưa tài sản cố định đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí đã chi ra để nâng cấp tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản cố định đó. Các chi phí sửa chữa tài sản cố định được coi như khoản phí tổn và được hạch toán trực tiếp hoặc phân bổ dần vào chi phí kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được tính theo phương pháp đường thẳng, thời gian khấu hao một số tài sản cố định vượt khung thời gian sử dụng quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài Chính. Thời gian sử dụng ước tính cho một số nhóm tài sản cố định như sau:

Loại TSCĐ

- Nhà cửa, vật kiến trúc
- Máy móc thiết bị
- Phương tiện vận tải, thiết bị truyền dẫn
- Thiết bị, dụng cụ quản lý
- TSCĐ vô hình

Thời gian khấu hao ước tính

- 6 - 25 năm
- 5 - 6 năm
- 3 - 6 năm
- 2 - 3 năm
- 3 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị trình bày: VND

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo quy định của Luật thuế, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản sai biệt giữa số thuế theo quyết toán và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được Công ty điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

Thuế suất thuế TNDN áp dụng tại Công ty là 20%.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm và hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được xác định trên cơ sở khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ và giá trị được khấu trừ chuyển sang năm sau của các khoản lỗ tính thuế và ưu đãi thuế chưa sử dụng nhân với thuế suất thuế TNDN hiện hành.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định trên cơ sở các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế phát sinh trong năm và thuế suất thuế thu nhập hiện hành.

Chênh lệch tạm thời là khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ của tài sản hoặc nợ phải trả trong Bảng Cân đối kế toán và cơ sở tính thuế của tài sản hoặc nợ phải trả đó.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Các khoản chi phí trả trước đã phát sinh nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của nhiều niên độ kế toán thì được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn và phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh của các niên độ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào phương pháp đường thẳng.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả

Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trong vòng không quá 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả ngắn hạn. Các khoản phải trả có thời hạn thanh toán trên 12 tháng tới kể từ thời điểm báo cáo được ghi nhận là các khoản phải trả dài hạn.

10. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực góp của chủ sở hữu.

Công ty phân phối lợi nhuận sau thuế theo hướng dẫn tại Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính Phủ và Thông tư số 219/2015/TT-BTC ngày 31/12/2015 của Bộ Tài Chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị trình bày: VND

12. Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán được ghi nhận đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được ghi nhận theo số phát sinh trong kỳ phù hợp với quy định của Chế độ kế toán doanh nghiệp. Cuối kỳ kế toán, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được kết chuyển để xác định kết quả kinh doanh.

14. Nguyên tắc xác định chi phí tiền lương

Tổng quỹ lương thực hiện của Công ty trong năm được trích lập theo quy định tại Nghị định số 51/2016/NĐ-CP và Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13/06/2016 của Chính phủ, Thông tư số 26/2016/TT – BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT – BLĐTBXH ngày 01/09/2016 của Bộ Lao động Thương binh Xã hội, Công văn số 8333/BTC – TCNH ngày 24/06/2014 và Công văn số 11065/BTC-TCNH ngày 08/08/2014 của Bộ Tài Chính.

Chi phí tiền lương tạm thời được xác định theo Quyết định 28/QĐ-XSKT ngày 25/07/2019 của Chủ tịch Công ty về việc phê duyệt quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch người quản lý và người lao động Công ty năm 2019. Công ty sẽ tiến hành điều chỉnh quỹ tiền lương, thù lao thực hiện ngay khi nhận được quyết định phê duyệt của UBND tỉnh Bạc Liêu.

15. Ghi nhận dự phòng rủi ro trả thưởng

Công ty trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa tại thời điểm cuối năm tài chính cho loại hình doanh thu vé xổ số truyền thống bằng 3% tổng doanh thu có thuế theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ. Năm 2019, tỷ lệ trả thưởng thực tế (49,202%) của Công ty thấp hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch xây dựng (50%) là 0,798%, nên Công ty đã trích lập thêm Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tại thời điểm cuối năm tài chính số tiền là 35.631.330.000.

16. Số dư đầu năm

Số dư đầu năm căn cứ vào Báo cáo tài chính năm trước của Công ty đã được kiểm toán.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt tại quỹ	13.125.271.030	14.158.630.978
Tiền gửi ngân hàng	536.411.788.141 (a)	314.723.165.706
Cộng	549.537.059.171	328.881.796.684

(a) Chi tiết số dư tiền gửi ngân hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền gửi thanh toán tại các ngân hàng	536.411.788.141	314.723.165.706
Cộng	536.411.788.141	314.723.165.706

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	646.766.757.891 (b)	719.574.510.846
Cộng	646.766.757.891	719.574.510.846

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị trình bày: VND

(b) Chi tiết số dư khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá ghi sổ	Giá gốc	Giá ghi sổ
- Tiền gửi VND có kỳ hạn trên 3 tháng - Công ty	450.000.000.000	450.000.000.000	504.000.000.000	504.000.000.000
- Tiền gửi VND có kỳ hạn trên 3 tháng - ĐL vé số (*)	196.766.757.891	196.766.757.891	215.574.510.846	215.574.510.846
Cộng	646.766.757.891	646.766.757.891	719.574.510.846	719.574.510.846

(*) Đây là số dư tiền gửi có kỳ hạn bằng nguồn tiền thế chấp của các đại lý vé số. Lãi tiền gửi có kỳ hạn từ số tiền thế chấp này Công ty sẽ hoàn trả cho các đại lý vé số.

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	143.661.205.313 (c)	151.617.813.269
Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.270.445.765 (d)	1.270.445.765
Phải thu ngắn hạn khác	133.231.509.422 (e)	135.353.267.413
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(111.178.528.623) (f)	(111.084.106.995)
Cộng	166.984.631.877	177.157.419.452

(c) Chi tiết số dư phải thu ngắn hạn của khách hàng như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Các đại lý vé số	143.661.205.313 (*)	151.617.813.269
Cộng	143.661.205.313	151.617.813.269

(*) Đây là nợ phải thu của các đại lý vé số tại ngày 31/12/2019. Kỳ nợ bình quân cả năm của tại Công ty là 1,70 kỳ, không vượt quá kỳ nợ cho phép quy định tại Thông tư số 75/2013/TT-BTC ngày 04/06/2013 của Bộ Tài Chính.

(d) Chi tiết số dư trả trước cho người bán ngắn hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP In Bạc Liêu	910.000.000	910.000.000
- Chi cục thi hành án dân sự TP. Bạc Liêu	108.695.765	108.695.765
- Văn phòng luật sư Việt Chương	100.000.000	100.000.000
- Các nhà cung cấp khác	151.750.000	151.750.000
Cộng	1.270.445.765	1.270.445.765

(e) Chi tiết số dư các khoản phải thu ngắn hạn khác như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ủy ban nhân dân tỉnh Bạc Liêu	-	200.000.000
- Sở Tài nguyên và Môi trường Bạc Liêu	15.000.000.000	15.000.000.000
- Tiền gửi tại NH Quốc Dân (vụ án)	91.352.871.167	91.352.871.167
- Tiền gửi tại NH Việt Á (vụ án)	24.500.365.776	24.500.365.776
- Hợp tác xã xây dựng Minh Phú	472.108.145	472.108.145
- Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	1.315.002.740	3.681.895.435
- Ông Phó Văn Kế	500.000.000	-
- Phải thu khác	91.161.594	146.026.890
Cộng	133.231.509.422	135.353.267.413

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị trình bày: VND

(f) Chi tiết số dư nợ xấu và dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi như sau:

	Số cuối năm	Tỷ lệ	Số dự phòng
- Nợ quá hạn từ 2 đến dưới 3 năm	472.108.145	70%	330.475.702
- Nợ quá hạn trên 3 năm	110.848.052.921	100%	110.848.052.921
Cộng			111.178.528.623

4. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	2.622.275.877 (g)	-
Hàng hoá	481.263.636 (h)	1.512.612.395
Vé xổ số	1.300.361.288	1.512.977.724
Cộng	4.403.900.801	3.025.590.119

- Giá trị hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất không có khả năng tiêu thụ tại thời điểm cuối kỳ: 0.

Nguyên nhân và hướng xử lý đối với hàng tồn kho ứ đọng, kém, mất phẩm chất:

- Giá trị ghi sổ hàng tồn kho dùng để thế chấp, cầm cố, bảo đảm cho các khoản nợ phải trả: 0.
- Lý do dẫn đến việc trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: không có.

(g) Chi tiết số dư nguyên liệu, vật liệu như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nguyên liệu, vật liệu (Giấy in vé số)	2.622.275.877	-
Cộng	2.622.275.877	-

(h) Chi tiết số dư hàng hóa như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Hàng hoá khuyến mãi	481.263.636	1.512.612.395
Cộng	481.263.636	1.512.612.395

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà Nước	43.619.641	-
Cộng	43.619.641	-

6. Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	46.751.596.961	538.251.090	27.500.000	47.262.348.051
- Nhà cửa, vật kiến trúc	31.219.338.213	318.884.545	-	31.538.222.758
- Máy móc thiết bị	6.788.241.101	219.366.545	-	7.007.607.646
- PT vận tải, TB truyền dẫn	6.861.700.533	-	-	6.861.700.533
- Thiết bị quản lý	1.882.317.114	-	27.500.000	1.854.817.114
Hao mòn lũy kế	26.483.600.736	2.559.942.765	27.500.000	29.016.043.501
- Nhà cửa, vật kiến trúc	12.763.237.899	1.975.582.171	-	14.738.820.070
- Máy móc thiết bị	6.745.703.530	58.371.636	-	6.804.075.166
- PT vận tải, TB truyền dẫn	5.291.194.327	358.765.548	-	5.649.959.875
- Thiết bị quản lý	1.683.464.980	167.223.410	27.500.000	1.823.188.390
Giá trị còn lại	20.267.996.225			18.246.304.550
- Nhà cửa, vật kiến trúc	18.456.100.314			16.799.402.688
- Máy móc thiết bị	42.537.571			203.532.480
- PT vận tải, TB truyền dẫn	1.570.506.206			1.211.740.658
- Thiết bị quản lý	198.852.134			31.628.724

CÔNG TY TNHH MTV XÔ SÓ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị trình bày: VND

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp các khoản vay: 0
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là: 15.553.168.827
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không có.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: không có.

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

- Mua trong năm
 - Đầu tư XDCB hoàn thành
- Cộng**

Số tiền

309.566.545

228.684.545

538.251.090

Chi tiết nguyên giá tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

- Thanh lý, nhượng bán
- Cộng**

Số tiền

27.500.000

27.500.000

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình tăng như sau:

- Khấu hao trong năm
- Cộng**

Số tiền

2.559.942.765

2.559.942.765

Chi tiết khấu hao tài sản cố định hữu hình giảm như sau:

- Chuyển sang công cụ dụng cụ
- Cộng**

Số tiền

27.500.000

27.500.000

7. Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Loại tài sản	Số đầu năm	Tăng	Giảm	Số cuối năm
Nguyên giá	1.896.600.000	-	-	1.896.600.000
- Quyền sử dụng đất	1.623.600.000	-	-	1.623.600.000
- Phần mềm kế toán	273.000.000	-	-	273.000.000
Hao mòn lũy kế	234.211.250	38.788.750	-	273.000.000
- Quyền sử dụng đất	-	-	-	-
- Phần mềm kế toán	234.211.250	38.788.750	-	273.000.000
Giá trị còn lại	1.662.388.750			1.623.600.000
- Quyền sử dụng đất	1.623.600.000			1.623.600.000
- Phần mềm kế toán	38.788.750			-

Chi tiết khấu hao tài sản cố định vô hình tăng như sau:

- Khấu hao trong năm
- Cộng**

Số tiền

38.788.750

38.788.750

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỐ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị trình bày: VND

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Góp vốn vào đơn vị khác	3.202.980.000	-	3.202.980.000	-
Công ty CP In Bạc Liêu	1.442.330.000	-	1.442.330.000	-
Công ty CP Du lịch Bạc Liêu	1.760.650.000	-	1.760.650.000	-
Cộng	3.202.980.000	-	3.202.980.000	-

9. Tài sản dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí trả trước dài hạn	76.956.692 (i)	95.140.153
Cộng	76.956.692	95.140.153

(i) Chi tiết số dư chi phí trả trước dài hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí công cụ, dụng cụ	76.956.692	95.140.153
Cộng	76.956.692	95.140.153

10. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Công ty CP Giấy Phụng Vĩnh Hưng	4.314.375.002	-
- Công ty TNHH Đầu tư SXTM Giấy Thịnh Phát	-	3.327.808.861
- Bà Huỳnh Hồng Vân - Tiền trả thưởng phải trả	1.059.700.000	-
- Ông Nguyễn Sỹ Hùng - Tiền trả thưởng phải trả	4.635.200.000	-
- Ông Nguyễn Ngọc Lý - Tiền trả thưởng phải trả	1.100.000.000	-
Cộng	11.109.275.002	3.327.808.861

11. Thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế GTGT phải nộp	39.525.716.608	27.665.143.478
- Thuế tiêu thụ đặc biệt	51.655.712.253	24.048.049.407
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	435.715.551.857	351.819.657.508
- Thuế thu nhập cá nhân	3.268.783.800	2.342.992.194
- Các loại thuế khác	11.565.147.020	8.149.300.170
Cộng	541.730.911.538	414.025.142.757

12. Các khoản phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Kinh phí công đoàn	-	1.929.798
- Bà Trần Diễm Trang - Tiền đại lý nộp thừa	500.000.000	-
Cộng	500.000.000	1.929.798

13. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Dự phòng rủi ro trả thưởng	109.708.325.000 (j)	93.488.495.000
Cộng	109.708.325.000	93.488.495.000

(j) Công ty trích lập dự phòng rủi ro trả thưởng tối đa tại thời điểm cuối năm tài chính cho loại hình doanh thu vé xổ số truyền thống bằng 3% tổng doanh thu có thuế theo quy định tại Nghị định 122/2017/NĐ-CP ngày 13/11/2017 của Chính phủ. Năm 2019, tỷ lệ trả thưởng thực tế (49,202%) của Công ty thấp hơn tỷ lệ trả thưởng kế hoạch xây dựng (50%) là 0,798%, nên Công ty đã trích lập thêm Quỹ dự phòng rủi ro trả thưởng tại thời điểm cuối năm tài chính số tiền là 35.631.330.000.

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị trình bày: VND

14. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn (đại lý vé số)	196.613.874.328	221.531.520.160
- Phải trả dài hạn khác (tiền lãi ký quỹ trả đại lý)	43.985.450.756	35.896.227.629
Cộng	240.599.325.084	257.427.747.789

15. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối
Số dư đầu năm trước	482.780.000.000	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	351.358.461.941
Tăng khác	-	-	-	25.000.000
Trích quỹ KT người quản lý	-	-	-	(415.951.557)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	-	(3.559.558.983)
Nộp LN còn lại nộp NSNN	-	-	-	(347.407.951.401)
Số dư đầu năm nay	482.780.000.000	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	433.548.056.299
Trích quỹ KT người quản lý	-	-	-	(285.728.423)
Trích quỹ KT, phúc lợi	-	-	-	(4.434.881.671)
Nộp LN còn lại nộp NSNN	-	-	-	(428.827.446.205)
Số dư cuối năm nay	482.780.000.000	-	-	-

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2019	Năm 2018
- Doanh thu kinh doanh xổ số - giá bìa	4.465.812.460.000	3.849.741.790.000
- Trừ		
+ Thuế GTGT phải nộp	(405.982.950.910)	(349.976.526.364)
+ Thuế TTĐB phải nộp	(529.542.979.445)	(456.491.121.343)
- Doanh thu thuần kinh doanh xổ số	3.530.286.529.645	3.043.274.142.293
- Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	431.818.182	630.365.818
- Doanh thu thuần hoạt động khác (bán phế liệu)	560.047.637	672.014.182
Tổng cộng doanh thu thuần	3.531.278.395.464	3.044.576.522.293

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2019	Năm 2018
- Chi phí trả thường	2.232.906.230.000	1.924.870.895.000
- Chi phí trực tiếp phát hành xổ số	706.248.477.184	612.407.710.264
Cộng	2.939.154.707.184	2.537.278.605.264

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2019	Năm 2018
- Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay	43.149.298.294	34.574.961.342
- Cổ tức từ Công ty CP In Bạc Liêu	563.980.000	628.175.000
Cộng	43.713.278.294	35.203.136.342

CÔNG TY TNHH MTV XÔ SỔ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị trình bày: VND

4. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2019	Năm 2018
- Chi phí nhân viên quản lý	21.375.781.513	17.478.560.027
- Chi phí vật liệu quản lý	18.003.000	1.003.632
- Chi phí đồ dùng văn phòng	531.111.938	950.158.802
- Chi phí khấu hao TSCĐ	2.648.629.167	4.211.009.073
- Thuế, phí và lệ phí	1.799.895.680	1.809.198.080
- Chi phí dự phòng	94.421.628	30.084.106.995
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.703.012.681	7.422.140.872
- Chi phí bằng tiền khác	57.722.469.708 (k)	41.716.167.309
Cộng	93.893.325.315	103.672.344.790

(k) Trong đó, chi phí tài trợ xây dựng nhà tình nghĩa, nhà đại đoàn kết, tài trợ y tế, giáo dục số tiền 44.373.700.000.

5. Thu nhập khác

	Năm 2019	Năm 2018
- Thu nhượng bán, thanh lý TSCĐ	9.545.454	118.181.818
- Các khoản thu khác	168.001.227	228.723.640
Cộng	177.546.681	346.905.458

6. Chi phí khác

	Năm 2019	Năm 2018
- Chi phí thanh huỷ vé ế	136.800.000	127.380.363
- Chi phí khác	1.800.391	7.200.000
Cộng	138.600.391	134.580.363

7. Thuế thu nhập doanh nghiệp và phân phối lợi nhuận

Số dư lợi nhuận chưa phân phối đầu năm (1)

-

Lợi nhuận trước thuế năm tài chính 2019 (2)

541.982.587.549

Điều chỉnh giảm lợi nhuận tính thuế TNDN (4)

563.980.000

- Thu nhập từ lãi cổ tức

563.980.000

Lợi nhuận chịu thuế năm nay (5)=(2)+(3)-(4)

541.418.607.549

- Lợi nhuận chịu thuế TNDN 20%

541.867.609.549

Thuế TNDN

108.434.531.250

- Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp (6)

108.434.531.250

Tổng lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2019 (7)=(1)+(2)-(6)

433.548.056.299

- Trích bổ sung quỹ khen thưởng và phúc lợi người lao động năm 2018
- Trích bổ sung quỹ khen thưởng người quản lý năm 2018
- Trích bổ sung quỹ khen thưởng cá nhân, đơn vị ngoài Công ty năm 2018
- Tạm trích quỹ khen thưởng và phúc lợi người lao động năm 2019
- Tạm trích quỹ khen thưởng người quản lý năm 2019
- Tạm trích quỹ khen thưởng các nhân, tổ chức ngoài Công ty năm 2019
- Nộp về các khoản thu tài chính cho ngân sách

116.462.779

31.478.423

324.366.864

3.694.052.028

254.250.000

300.000.000

428.827.446.205

Số dư lợi nhuận chưa phân phối cuối năm

-

CÔNG TY TNHH MTV XỔ SỔ KIẾN THIẾT BẠC LIÊU

Địa chỉ: Số 7, đường Hai Bà Trưng, phường 3, thành phố Bạc Liêu, tỉnh Bạc Liêu

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31/12/2019

Đơn vị trình bày: VND

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Không có các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: không có
2. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm: không có.
3. Thông tin về các bên liên quan: không có.

4. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm trước đã được kiểm toán.

5. Thông tin về hoạt động liên tục

Cho đến ngày lập bản báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty cho rằng không có vấn đề bất thường nào có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty và Công ty có khả năng hoàn trả các khoản nợ đến hạn trả.



Phan Thị Yến Nhi
Người lập



Phan Võ Anh Thư
Kế toán trưởng



Nguyễn Ngọc Thuý

Chủ tịch Công ty

Lập ngày 27 tháng 02 năm 2020